

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TTH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 62/2019/HS-ST
Ngày: 19/11/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TTH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Minh.
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Xuân Nam.
Ông Phan Văn Thạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh TTH.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TTH tham gia phiên tòa: Ông Trần Xuân Phú - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh TTH xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 38/2019/TLST-HS ngày 08 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 273/2019/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2019, đối với các bị cáo:

1. Trần Thị Hương Th; sinh ngày 16/12/1976, tại tỉnh TTH. Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Tổ 5, phường Hương c, thị xã HT, tỉnh TTH; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá : Lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Hữu B và bà Phạm Thị L; Chồng: Lê Phú D (đã chết); Con: Có 3 con, lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2001; Tiền sự, tiền án: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, từ ngày 17/01/2019 đến ngày 20/01/2019 bị tạm giam cho đến nay, có mặt.

2. Nguyễn Đăng X; Sinh ngày 01/6/1980, tại tỉnh TTH. Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Tổ 9, phường Hương X, thị xã HTr, tỉnh TTH; Nghề nghiệp: Sửa chữa ô tô; Trình độ văn hoá: Lớp 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đăng Q và bà Nguyễn Thị M; Vợ: Vũ Thị Th, Con: Có 01 con sinh năm 2011. Tiền sự, tiền án : Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 09/3/2019, cho đến nay, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị Hương Th:* Luật sư Lê Hùng Nh, Luật sư của Văn phòng Luật sư của Công ty Luật TNHH NH và cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh TTH; Địa chỉ: 187/5 Phan ĐP, phường PN, thành phố H. Có mặt

* *Bị hại:* Công ty TNHH MTV Thương mại và dịch vụ NH; Địa chỉ: 44 Phạm Văn Đ, phường VD, thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Văn M,

sinh năm 1971 - Giám đốc Công ty TNHH MTV Thương mại và dịch vụ NH. Có đơn xin xét xử vắng mặt

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Phan Đức N, Sinh năm 1988; Địa chỉ: 47 Xuân D, Trường A, thành phố H, có mặt

2. Chị Vũ Thị Th, sinh năm 1989; Địa chỉ: Tổ 3, Thôn Đồng CH, xã Gia Th, huyện Gia V, tỉnh NB, có mặt.

3. Anh Nguyễn Đăng Đ, sinh năm 1992; Địa chỉ: Tổ dân phố Thanh L 4, phường Hương X, thị xã HTr, tỉnh TT- Huế, có mặt

- *Người làm chứng:* Anh Hoàng Ngọc Q, sinh năm 1984; Địa chỉ: Tổ 8, khu vực 2, phường Th X, thành phố H, có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất:

Khoảng tháng 2/2016, Trần Thị Hương Th đến Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thương mại và dịch vụ NH do anh Hồ Văn M là giám đốc, thuê 01 xe ô tô hiệu Hyundai – Avante, biển số 75A-010.73 màu trắng để sử dụng. Hai bên thỏa thuận lập một hợp đồng thuê xe trong thời gian 01 tháng với giá thuê xe là 13.000.000 đồng. Anh M giao xe cho Th cùng với giấy tờ (gồm một bản photo công chứng giấy đăng ký xe 75A-010.73 và một bản gốc giấy đăng kiểm xe). Th lái xe về sử dụng cho đến khi hết thời hạn thuê thì quay lại gặp Anh M đề nghị gia hạn thêm thời gian để tiếp tục sử dụng xe. Đồng thời, hàng tháng Th trả tiền cho Anh M đầy đủ. Đến tháng 8/2016, Trần Thị Hương Th nảy sinh ý định mang xe ô tô 75A-010.73 đi cầm cố lấy tiền để làm ăn và chi tiêu cá nhân. Th biết nếu xe không chính chủ thì các tiệm cầm đồ sẽ không đồng ý cho cầm, nên Th đã chủ động truy cập vào mạng internet để tìm kiếm tài khoản facebook chuyên nhận làm giấy tờ giả, với mục đích thuê làm giả một giấy đăng ký xe ô tô 75A-010.73, mang tên Trần Thị Hương Th, với số tiền 2.000.000 đồng. Th chụp ảnh cá nhân, chụp ảnh xe, giấy đăng ký xe ô tô 75A-010.73 và giấy đăng kiểm xe rồi gửi qua mạng cho đối tượng theo hướng dẫn. Khoảng 20 ngày sau Th nhận được gói hàng bên trong có 01 giấy đăng ký xe ô tô 75A-010.73 mang tên mình.

Sau khi nhận được giấy đăng ký xe giả, ngày 31/8/2016, Th điều khiển xe ô tô Hyundai biển số 75A-010.73 đến tiệm cầm đồ Hoàng N gặp anh Phan Đức N là chủ tiệm cầm đồ để cầm xe. Th đưa cho anh N xem các loại giấy tờ gồm: 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Thị Hương Th, 01 giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô 75A-010.73 và một giấy đăng ký xe ô tô 75A-010.73, mang tên Trần Thị Hương Th). Anh N xem xong không phát hiện được giấy đăng ký xe ô tô 75A-010.73 là giả, tưởng là xe ô tô chính chủ nên đồng ý cầm xe cho Th với số tiền là 360.000.000 đồng. Anh N

và Th lập một hợp đồng cầm cố tài sản với các nội dung: Bên A (Anh Phan Đức N) có nhận tài sản do Bên B (Trần Thị Hương Th) cầm 01 xe ô tô biển số 75A-010.73 với số tiền là 360.000.000 đồng, thời gian cầm xe từ 31/8/2016 đến ngày 28/9/2016. Th giao cho anh N xe ô tô, giấy kiểm định xe và giấy đăng ký xe (giả), anh N giao đủ tiền cho Th. Ngoài ra, anh N còn đưa thêm 200.000 đồng cho một đối tượng nam giới (không rõ họ tên và địa chỉ) đi cùng Th vì người này nói đã giới thiệu chỗ cầm xe cho Th (Hiện nay, Th khai không nhớ người này ở đâu, làm gì). Số tiền 360.000.000 đồng Th sử dụng cho cá nhân hết nên đến hạn Th không có tiền chuộc lại xe ô tô về trả cho anh Hồ Văn M. Đồng thời, Th chỉ trả tiền lãi cầm xe ô tô cho anh N được 2 tháng rồi nài ra nhiều lý do để không phải trả cho đến ngày xe ô tô bị cơ quan Công an thu giữ. Để che giấu hành vi cầm xe ô tô của mình, hàng tháng Th vẫn trả đủ tiền thuê xe cho Anh M. Đến ngày 27/2/2017, Th gặp Anh M xin làm lại hợp đồng thuê xe ô tô 75A-010.73, Anh M vẫn chưa biết Th cầm xe ô tô của mình đã đồng ý ký lại hợp đồng cho Th thuê xe ô tô này.

Cuối tháng 5/2017, Anh M không thấy Th trả tiền thuê xe, điện thoại liên lạc thì Th tắt máy. Anh M đi tìm phát hiện Th đã cầm xe ô tô của mình cho anh Phan Đức N từ lâu, nên ngày 12/6/2017, anh Hồ Văn M đã viết đơn tố cáo Th gửi Công an Thành phố H. Th sau khi chiếm đoạt tài sản đã bỏ trốn khỏi địa phương và bị bắt theo lệnh truy nã.

Ngày 07/7/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H ra Quyết định trưng cầu định giá tài sản xe ô tô 75A-010.73. Ngày 08/7/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố H kết luận xe ô tô hiệu HUYNDAI AVANTE, biển số 75A-010.73 có giá trị tại thời điểm ngày 31/8/2016 là 370.000.000 đồng.

Ngày 26/01/2019, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh TTH có bản kết luận giám định số 497 với nội dung: “Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 002306, mang tên Trần Thị Hương Th, địa chỉ: Phường Xn, thị xã HTr, tỉnh TTH; Biển số đăng ký 75A-010.73 cấp ngày 16/4/2013 là giả”.

Vụ thứ hai:

Khoảng đầu năm 2016, Nguyễn Đăng X đến Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thương mại và dịch vụ NH anh Hồ Văn M là giám đốc để thuê một xe ô tô sử dụng làm phương tiện đi lại. Anh M kiểm tra thấy X có đầy đủ giấy tờ tùy thân nên đồng ý cho X thuê xe hiệu KIA FORTE, biển số 75A-020.40 với giá 14.000.000 đồng/1 tháng, thời gian thuê là 1 tháng. Anh M giữ lại bản sao các giấy tờ tùy thân của X gồm: Chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe ô tô rồi giao xe cho X (Kèm theo bản sao giấy đăng ký xe ô tô 75A-020.40 và bản gốc giấy kiểm định xe ô tô). Sau đó, hàng tháng X đến gặp Anh M để trả tiền và xin gia hạn việc thuê xe, giữa hai bên lập một hợp đồng mới, hủy hợp đồng cũ. Lần cuối cùng X đến xin gia hạn thuê xe và lập hợp đồng mới là ngày 03/10/2016.

Cũng trong thời gian này, X có mối quan hệ thân tình với Trần Thị Hương Th nên nhiều lần giao xe ô tô 75A-020.40 cho Th mượn sử dụng. Khoảng đầu tháng 11 năm 2016, do cần tiền tiêu xài và làm ăn sinh sống, nên Nguyễn Đăng X đã nảy sinh ý

định đem cầm xe ô tô 75A-020.40 để lấy tiền. X lên mạng Internet để tìm kiếm tài khoản facebook chuyên nhận làm giấy tờ giả, với mục đích thuê làm giả một giấy đăng ký xe ô tô 75A-020.40, mang tên Nguyễn Đăng X, với số tiền 2.000.000 đồng. X chụp ảnh cá nhân, chụp ảnh xe, giấy đăng ký xe ô tô 75A-020.40 và giấy đăng kiểm xe rồi gửi qua mạng cho đối tượng theo hướng dẫn. Khoảng một tuần sau X nhận được gói hàng bên trong có 01 giấy đăng ký xe ô tô 75A-020.40 mang tên mình.

Sau khi nhận được giấy đăng ký xe giả X liền nhờ Trần Thị Hương Th hỏi cầm xe giúp. Mặc dù Th biết xe này X thuê của anh Hồ Văn M từ lâu, nhưng vẫn nhận lời giúp. Trưa ngày 10/11/2016, Th điện thoại cho anh Phan Đức N, là chủ tiệm cầm đồ để hỏi cầm xe ô tô 75A-020.40 cho X, anh N hẹn Th đến cửa hàng để thỏa thuận. Khoảng 14h00 cùng ngày, Th lái xe ô tô 75A-020.40 một mình đến tiệm cầm đồ Hoàng N gặp anh N để trả tiền lãi hàng tháng, sau đó đề nghị cầm chiếc xe này. Anh N hỏi Th muốn cầm xe bao nhiêu tiền, Th điện thoại hỏi lại X thì X trả lời cầm xe lấy 250.000.000 đồng. Anh N hỏi giấy tờ xe đâu để kiểm tra, Th ra mở cốp xe ô tô lấy vào cho anh N một giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên Nguyễn Đăng X, biển số đăng ký 75A-020.40 cấp ngày 20/4/2016, một giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô biển đăng ký 75A-020.40 (Vì X đã nói cho Th biết trước giấy đăng ký xe là giả). Anh N xem xong không phát hiện được giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên Nguyễn Đăng X là giả nên đồng ý cho cầm, nhưng yêu cầu chủ xe phải đến ký hợp đồng và kiểm tra lại giấy chứng minh nhân cho đúng người. Th liền điện thoại cho X đến. Khoảng 20 phút sau X đi xe taxi đến. Sau khi kiểm tra giấy chứng minh nhân dân của X thấy trùng khớp với giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, nên anh N đồng ý làm hợp đồng cầm xe với giá 250.000.000 đồng, tiền lãi 1000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày. X ký vào Hợp đồng cầm cố tài sản với anh N rồi anh N trực tiếp đưa cho X 250.000.000 đồng, có sự chứng kiến của anh Hoàng Ngọc Q là nhân viên tiệm cầm đồ. Nguyễn Đăng X và Trần Thị Hương Th giao xe ô tô KIA FORTE biển số 75A-020.40 cùng các loại giấy tờ cho anh N cất giữ gồm: Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên Nguyễn Đăng X biển số đăng ký 75A-020.40 cấp ngày 20/4/2016, giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô biển đăng ký 75A-020.40 và giấy chứng minh nhân dân của Nguyễn Đăng X.

Một thời gian sau, X nhờ Th đến gặp anh N xin lại chứng minh nhân dân để sử dụng (Anh N có photo một bản để lưu lại). Sau đó, X có trả cho anh N một tháng tiền lãi rồi không trả nữa cho đến ngày bị bắt, nhưng hàng tháng X vẫn trả tiền thuê xe cho Anh M đầy đủ và xin gia hạn tiếp thời hạn thuê xe để tránh bị phát hiện. Số tiền 250.000.000 đồng X sử dụng để trả tiền thuê xe cho Anh M đến tháng 4/2017 (6 tháng = 84.000.000 đồng), còn lại X tiêu xài cá nhân hết nên không có tiền chuộc xe về trả lại cho Anh M và trả tiền cầm xe cho anh N. Vì vậy, X bỏ trốn khỏi địa phương ra Hà Nội làm ăn.

Cuối tháng 5/2017, Anh M không thấy X trả tiền thuê xe, điện thoại liên lạc cũng không được. Anh M đi tìm phát hiện X đã cầm xe ô tô của mình cho anh Phan Đức N từ lâu, còn X bỏ trốn khỏi địa phương nên ngày 12/6/2017, anh Hồ Văn M viết đơn tố cáo Nguyễn Đăng X gửi Công an Thành phố H giải quyết. Sau khi thu thập

đầy đủ chứng cứ ngày 17/12/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và Quyết định truy nã đối với Nguyễn Đăng X. Ngày 09/3/2019, Nguyễn Đăng X đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Ngày 07/7/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H ra Quyết định trưng cầu định giá tài sản xe ô tô 75A-020.40 và Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố H kết luận xe ô tô hiệu KIA FORTE, biển số 75A-020.40 có giá trị tại thời điểm ngày 10/11/2016 là 270.000.000 đồng.

Ngày 01/02/2019, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh TTH có bản kết luận giám định số 19 xác định: “giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 058105 mang tên Nguyễn Đăng X, địa chỉ phường Hương X, thị xã HTr, tỉnh TTH; biển số đăng ký 75A-020.40 đề ngày 20 tháng 4 năm 2016 là giả”.

*** Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm:**

- 01 hợp đồng thuê xe ô tô tự lái số 272/HĐTX-2017 ngày 27/2/2017 (Hợp đồng thuê xe ngày 06/6/2016 Anh M đã hủy bỏ).

- 01 bản phô tô giấy chứng minh nhân dân số 191349398 mang tên Trần Thị Hương Th.

- 01 xe ô tô hiệu Hyundai - Avante màu trắng, số máy G4FCBU372116, số khung RLUDT41BACN002820, biển số 75A-010.73.

- 01 Giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô biển số 75A-010.73(bản sao)

- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 002306 mang tên Trần Thị Hương Th (địa chỉ: Phường Xn, thị xã HTr, tỉnh TTH; Biển số đăng ký 75A-010.73 cấp ngày 16/4/2013).

- 01 Hợp đồng cầm cố tài sản ngày 31/8/2016 có ghi nội dung Bên A (Anh Phan Đức N) có nhận tài sản do Bên B (Trần Thị Hương Th) cầm 01 xe ô tô biển số 75A-010.73 với số tiền là 360.000.000 đồng, thời hạn cầm xe từ ngày 31/8/2016 đến ngày 28/9/2016.

- 01 bản phô tô giấy phép lái xe mang tên Trần Thị Hương Th + 01 xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3, 05 chỗ, màu trắng; 01 chìa khóa xe ô tô; 01 giấy mượn tiền ngày 28/12/2018; 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh Lê Thị Thu U <bản sao> và 01 giấy phép lái xe số 460133166321 ngày cấp 06/8/2013 mang tên Nguyễn Ngô Thanh H.

- 01 Hợp đồng cho thuê xe tự lái số 310/HĐTX-2016 ngày 3/10/2016 ghi bên thuê xe là Nguyễn Đăng X, sinh ngày 26/2/1980, nơi ở: Thanh L, phường Hương X, thị xã HTr, tỉnh TTH, thuê xe ô tô biển số đăng ký là 75A-020.40.

- 01 xe ô tô hiệu Kia Forte màu bạc, số máy: G4FCBW463824, số khung: RNYTD41M6CC29549, biển số 75A-020.40

- 01 Hợp đồng cầm cố tài sản hồi 15 h00 ngày 10/11/2016, có ghi nội dung Bên A (anh Phan Đức N) có nhận tài sản do Bên B (Nguyễn Đăng X) cầm 01 xe ô tô Kia Forte biển số 75A-020.40.

- 01 Giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô biển số 75A-020.40(bản sao).

- 01 bản photô Giấy chứng minh nhân dân số 191432104 mang tên Nguyễn Đăng X cấp ngày 15/3/2004.

- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 058105 mang tên Nguyễn Đăng X, địa chỉ: phường Hương X, thị xã HTr, tỉnh TTH, biển số đăng ký xe là 75A-020.40, cấp ngày 20/4/2016, do Thượng tá Phạm Văn Th ký.

Ngày 24/7/2017, cơ quan điều tra Công an Thành phố H ra Quyết định xử lý vật chứng số 269, trả lại xe ô tô hiệu Hyundai - Avante màu trắng, số máy G4FCBU372116, số khung RLUDT41BACN002820, biển số 75A-010.73 và giấy kiểm định cho anh Hồ Văn M đầy đủ, Anh M không yêu cầu Th bồi thường tiền thuê xe và các thiệt hại khác.

Ngày 24/7/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H ra Quyết định xử lý vật chứng số 268, trả lại xe ô tô hiệu Kia Forte màu bạc, số máy: G4FCBW463824, số khung: RNYTD41M6CC29549, biển số 75A-020.40 và giấy chứng nhận kiểm định xe (bản gốc) cho anh Hồ Văn M.

* Về trách nhiệm dân sự:

- Anh Phan Đức N yêu cầu Trần Thị Hương Th trả lại số tiền cầm xe là 360.000.000đồng, không yêu cầu Th phải bồi thường tiền lãi cầm xe là 105.408.000 đồng. Th chưa bồi thường cho anh N.

- Ngày 22/3/2019, chị Vũ Thị Th là vợ của Nguyễn Đăng X, gặp anh Hồ Văn M bồi thường số tiền thuê xe ô tô còn nợ là 13.208.000 đồng. Anh M không yêu cầu bồi thường gì thêm.

- Trong tháng 01/2019, X đưa cho em ruột mình là Nguyễn Đăng Đ số tiền 100.000.000 đồng để nhờ bồi thường giúp cho anh Phan Đức N. Ngày 23/01/2019, anh Đạt đã trả cho anh N 100.000.000 đồng, còn 150.000.000 đồng thỏa thuận sẽ bồi thường sau. Hiện nay, anh N yêu cầu Nguyễn Đăng X trả lại số tiền cầm xe còn lại là 150.000.000 đồng, không yêu cầu bồi thường số tiền lãi cầm xe, X chưa bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 24/CT-VKS-P3 ngày 07/10/2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TTH đã truy tố các bị cáo Trần Thị Hương Th về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 267 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Nguyễn Đăng X theo quy định tại khoản 3 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 267 của Bộ luật hình sự năm 1999

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TTH vẫn giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử

Áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo từ 12 năm đến 13 năm tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản

Áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 267, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); xử phạt bị cáo từ 2 năm đến 2 năm 6 tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Tổng hợp hình phạt chung của 2 tội là từ 14 năm đến 15 năm 6 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 17/01/2019.

Áp dụng khoản 3 Điều 175, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng X từ 3 năm đến 3 năm 6 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản

Áp dụng khoản 1 Điều 267 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng X từ 6 tháng đến 9 tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Tổng hợp hình phạt chung của 2 tội là từ 3 năm 6 tháng đến 4 năm 3 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 09/3/2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585 và 589 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Buộc bị cáo Trần Thị Hương Th bồi thường cho Phan Đức N số tiền 360.000.000đồng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Đăng X và Trần Thị Hương Th phải liên đới bồi thường cho Phan Đức N số tiền 150.000.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, Luật sư bào chữa cho bị cáo Th đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trách nhiệm của Th trong vụ án thứ hai cho rằng chỉ bị cáo X mới sử dụng giấy tờ giả, còn bị cáo Th không phải là người có tên trong giấy tờ giả này nên không thể sử dụng.

Bị cáo Trần Thị Hương Th đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trách nhiệm của mình trong hành vi phạm tội cùng với X. Bị cáo chỉ biết chiếc xe này của X sau khi cầm cố xe nên không phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản đối với hành vi sau.

Bị cáo Nguyễn Đăng X đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định, hành vi tố tụng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa không có ý kiến hay khiếu nại gì về các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Các quyết định, hành vi tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh TTH, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TTH, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định.

[2] Xét về quá trình thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo, thấy rằng:

2.1 Về hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản:

Trần Thị Hương Th có hành vi thuê xe ô tô BKS 75A-010.73 của ông Hồ Văn M sau đó làm giả Giấy đăng ký xe đem cầm ở tiệm cầm đồ Hoàng N vào ngày 31/8/2016 lấy 360.000.000 đồng đem sử dụng tiêu xài cá nhân. Sau đó vào ngày 10/11/2016, Trần Thị Hương Th cùng với Nguyễn Đăng X sử dụng Giấy đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 75A-020.40 giả để cầm xe ô tô 75A-020.40 do X thuê của ông Hồ Văn M để lấy 250.000.000đ đem sử dụng tiêu xài cá nhân rồi bỏ trốn. Tại thời điểm bị chiếm đoạt, hai xe ô tô nói trên qua định giá có giá trị là: xe ô tô BKS 75A-010.73 có giá 370.000.000 đồng, xe ô tô 75A-020.40 có giá 270.000.000 đồng. Tổng cộng giá trị tài sản Th chiếm đoạt hai lần đưa đi cầm là 640.000.000đ, giá trị X chiếm đoạt đưa đi cầm cố là 270.000.000 đồng. Hành vi này của các bị cáo Trần Thị Hương Th và Nguyễn Đăng X đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015.

2.2. Hành vi làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức:

Ngoài ra, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô thì chỉ có cơ quan nhà nước có thẩm quyền được Nhà nước quy định mới được quyền cấp cho tổ chức, cá nhân. Tuy nhiên, chỉ vì muốn đạt được mục đích chiếm đoạt tài sản đã thuê của người khác, các bị cáo đã tìm kiếm, liên hệ với đối tượng làm giả để làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS 75A-010.73 và xe ô tô BKS 75A-020.40 nhằm thuận lợi trong việc cầm cố để chiếm đoạt. Hành vi này của các bị cáo đã phạm vào tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 267 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Do đó, cáo trạng số 24/CT-VKS-P3 ngày 07/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TTH truy tố các bị cáo về tội: Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức là đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật. Cụ thể:

Bị cáo Trần Thị Hương Th phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 và tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức quy định tại điểm b khoản 2 Điều 267 của Bộ luật hình sự năm 1999

(sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Bị cáo Nguyễn Đăng X phạm tội Lạm dụng tín chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 và tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 1 Điều 267 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

[3] Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng:

Các bị cáo Trần Thị Hương Th và Nguyễn Đăng X đều là những người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có trình độ văn hóa nhận thức được việc dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự. Tuy nhiên, do bản tính lười lao động, muốn có tiền tiêu xài nhưng không phải bỏ công sức lao động chân chính, các bị cáo đã bất chấp pháp luật để cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo Trần Thị Hương Th và Nguyễn Đăng X là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử xét cần phải có một hình phạt đủ nghiêm khắc để trừng trị, răn đe và phòng ngừa chung. Đây là vụ án có đồng phạm nhưng mang tính giản đơn, không có tính tổ chức. Bị cáo Th là người thực hành tích cực nhất, phạm tội nhiều lần và nhiều tội nên cần phải xử lý nghiêm

[4] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Trần Thị Hương Th chưa có tiền án, tiền sự là thuộc trường hợp có nhân thân tốt. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Về tình tiết tăng nặng bị cáo Th phạm tội từ 02 lần trở lên theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ Luật Hình sự đối với tội “ Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Bị cáo Nguyễn Đăng X chưa có tiền án, tiền sự là thuộc trường hợp có nhân thân tốt. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đã tác động gia đình bồi thường phần lớn thiệt hại. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Ngoài ra, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Do bị cáo X không có tình tiết tăng nặng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên cần áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự (đối với tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản) để xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình giải quyết vụ án, ông Hồ Văn M – Giám đốc Công ty TNHH MTV Thương mại và dịch vụ NH và anh Đặng Minh Ch đã nhận lại nhận lại các xe ô tô và không yêu cầu bồi thường thiệt hại gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với số tiền Th chiếm đoạt do cầm xe lấy 360.000.000 đồng, buộc bị cáo phải bồi thường toàn bộ số tiền này cho anh N.

- Đối với số tiền Th và X chiếm đoạt do cầm xe lấy 250.000.000 đồng: Đây là khoản tiền các bị cáo cùng nhau chiếm đoạt nên phải liên đới bồi thường, Phía gia đình bị cáo Nguyễn Đăng X đã bồi thường 100.000.000 đồng. Số tiền còn lại 150.000.000 đồng cần buộc hai bị cáo phải liên đới bồi thường, trong đó X phải bồi thường 150.000.000đ.

[6] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả, biển kiểm soát BKS 75A-010.73 và BKS 75A-020.40 mang tên Trần Thị Hương Th và Nguyễn Đăng X và các tài liệu liên quan đã thu giữ được tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Trần Thị Hương Th và Nguyễn Đăng X phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, mỗi bị cáo 200.000đ

Về án phí dân sự sơ thẩm, bị cáo Trần Thị Hương Th phải chịu 18.000.000đ (360.000.000đ x 5%). Bị cáo Nguyễn Đăng X phải chịu 7.500.000đ (150.000.000đ x 5%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Thị Hương Th và Nguyễn Đăng X phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức.

Áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo 12 năm 06 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 267 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo 02 năm tù về tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức.

Tổng hợp hình phạt chung của 2 tội là 14 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 17/01/2019.

Áp dụng khoản 3 Điều 175, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015; Xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng X 03 năm 09 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản

Áp dụng khoản 1 Điều 267 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015; Xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng X 09 tháng tù về tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức.

Tổng hợp hình phạt chung của 2 tội là 04 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 09/3/2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; các Điều 584,

585 và 589 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Buộc bị cáo Trần Thị Hương Th bồi thường cho Phan Đức N số tiền 360.000.000đồng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Đăng X và Trần Thị Hương Th phải liên đới bồi thường cho Phan Đức N số tiền 150.000.000 đồng. Trong đó Nguyễn Đăng X phải bồi thường số tiền 150.000.000 đồng.

3. Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trong bản án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 105 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án các tài liệu đã thu giữ trong quá trình tố tụng (các tài liệu đã được mô tả trong bản án)

5. Về án phí, áp dụng Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Buộc bị cáo Trần Thị Hương Th và Nguyễn Đăng X phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, mỗi bị cáo 200.000đ

Buộc bị cáo Trần Thị Hương Th phải chịu 18.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, Buộc bị cáo Nguyễn Đăng X phải chịu 7.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án này là sơ thẩm, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

*** Nơi nhận:**

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT Huế;
- Phòng PV27 CA tỉnh;
- Trại tạm giam CA tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu HSVA, THS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Minh

